

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ CSOLUTION**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ CSOLUTION

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CSOLUTION TECHNOLOGY SOLUTIONS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CSOLUTION

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110399034

**3. Ngày thành lập:** 26/06/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 12A, Ngõ 24 Phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961362688

Fax:

Email: [c.solution@gmail.com](mailto:c.solution@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm, trừ đấu giá)                                                                                                                             | 4610     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                                                                                                | 4649     |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                               | 4651     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                | 4652     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                            | 4653     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); | 4659     |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(không bao gồm động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật Đầu tư)                                                                                                                                                            | 4669     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                   | 8299        |
| 9.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                             | 9511        |
| 10. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                 | 6201        |
| 11. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                   | 6202        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                           | 6209        |
| 13. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                   | 6311(Chính) |
| 14. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                             | 6312        |
| 15. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                      | 4690        |
| 16. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                    | 4783        |
| 17. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ                                   | 4784        |
| 18. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                                                          | 4791        |
| 19. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                         | 4799        |
| 20. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                    | 5820        |
| 21. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                | 4741        |
| 22. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                             | 4742        |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 568.600.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 56.860

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | HÀ THỊ MẾN       | Thôn Quảng Tân,<br>Xã Nam Tân,<br>Huyện Nam Sách,<br>Tỉnh Hải Dương,<br>Việt Nam   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 34.116        | 341.160.000              | 60,000       | 0301870231<br>21                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Tổng số                            | 34.116        | 341.160.000              | 60,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | HÀ THỊ<br>THƯƠNG | Thôn Quảng Tân,<br>Xã Nam Tân,<br>Huyện Nam Sách,<br>Tỉnh Hải Dương,<br>Việt Nam   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.843         | 28.430.000               | 5,000        | 0301900092<br>91                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Tổng số                            | 2.843         | 28.430.000               | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                    |                                                                                  |                                    |        |             |        |                  |
|---|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | ĐỖ VĂN TIỀN        | Thôn Quảng Tân,<br>Xã Nam Tân,<br>Huyện Nam Sách,<br>Tỉnh Hải Dương,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.843  | 28.430.000  | 5,000  | 0300910089<br>94 |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                  | Tổng số                            | 2.843  | 28.430.000  | 5,000  |                  |
| 4 | PHÙNG VĂN<br>TUYẾN | Thôn Cầu Xe, Xã<br>Quang Trung,<br>Huyện Tứ Kỳ,<br>Tỉnh Hải Dương,<br>Việt Nam   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 14.215 | 142.150.000 | 25,000 | 0300970058<br>82 |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                  | Tổng số                            | 14.215 | 142.150.000 | 25,000 |                  |
| 5 | HÀ THÙY<br>DƯƠNG   | Thôn Quảng Tân,<br>Xã Nam Tân,<br>Huyện Nam Sách,<br>Tỉnh Hải Dương,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.843  | 28.430.000  | 5,000  | 0301860010<br>41 |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                  | Tổng số                            | 2.843  | 28.430.000  | 5,000  |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HÀ THỊ MẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 24/04/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030187023121

Ngày cấp: 11/08/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Quảng Tân, Xã Nam Tân, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Quảng Tân, Xã Nam Tân, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội